ĐK-103

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ *Date:*

Số/ *N⁰:* **A1040104159**

1. Phương tiện đo/ *Object:*
2. Hãng sản xuất/ *Manufactuer:* **MEMMERT**
3. Kiểu/ *Model:* **ICH110** Số nhận dạng/ *ID:* **159**
4. Số hiệu/ *SN:* **Y419.0052**
5. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification:*
   + Khoảng nhiệt độ/ *Temp. range:* **-10÷60 ºC** + Độ phân giải/ *Resolution:* **0,1ºC**
   + Kích thước trong/ *Internal dimension:* **108 Lít**
6. Khách hàng/ *Custommer:* **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**
7. Địa chỉ/ *Address:* **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
8. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of calibration:* **Phòng hiệu chuẩn 1**
9. Địa chỉ/ *Address:* **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Procedure of calibration:* **A10-03 - Hướng dẫn hiệu chuẩn tủ nhiệt**
11. Chuẩn sử dụng/ *Standards Used:*
12. Môi trường hiệu chuẩn/ *calibration environment:*
    Nhiệt độ/ *Temperature:* **[÷] °C** Độ ẩm/ *Humidity:* **[÷] %RH**
13. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration:* **31/08/2020**
14. Ngày hiệu chuẩn tiếp theo/ *Recommended date of next calibration:* **31/08/2021**
15. Tem hiệu chuẩn/ *calibration label:* **A159**

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
   The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
   This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
   Name of customer is written as customer's request.

ĐK-103

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ *Date:*

Số/ *N⁰:* **A1040104159**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
RESULTS OF CALIBRATION

LIÊN KẾT CHUẨN	ĐIỂM KIỂM TRA	SAI LỆCH HIỂN THỊ	ĐKĐBĐ
V10.CN5.1025.20 (VMI)	15ºC	-0.02ºC	0.8ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	20ºC	-0.01ºC	0.8ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	25ºC	-0.02ºC	0.8ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	30ºC	0.11ºC	0.8ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	30%	-2.03%	2.3%
V10.CN5.1025.20 (VMI)	35ºC	0.07ºC	0.8ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	40%	-2.1%	2.3%
V10.CN5.1025.20 (VMI)	40ºC	0.16ºC	0.7ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	45ºC	0.13ºC	0.8ºC
V10.CN5.1025.20 (VMI)	50%	-2.02%	2.2%
V10.CN5.1025.20 (VMI)	60%	-1.44%	2.3%
V10.CN5.1025.20 (VMI)	70%	-0.47%	2.3%
V10.CN5.1025.20 (VMI)	80%	-0.4%	2.3%

--- Hết/ *End* ---

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
   The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
   This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
   Name of customer is written as customer's request.